TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2025/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Hội thẩm nhân dân: Ông**Võ Minh Sơn**

Ông **Trần Bằng Phi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 425/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (O)

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà T, số A, T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa nhà T, số A, T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Tường V – Nhân viên xử lý nợ thế chấp

Địa chỉ liên hệ: 442, T, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là 442, T, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau).

2. Bị đơn: - Ông Trang Văn T1, sinh ngày 01/01/1961

- Bà Đỗ Thị Kim L, sinh ngày 01/01/1961

Cùng địa chỉ: Số H, Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số H, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trang Tấn T2, sinh năm 1987;

- Ông Trang Tấn L1, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Số H, Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số H, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau);

- Bà Trang Thị Thùy L2, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau).

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P và ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L đã thỏa thuận ký kết hai Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Ngày 23/01/2024 và khế ước nhận nợ ngày 25/01/2024, chi tiết như sau: Số tiền vay là 580.000.000 đồng; mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 72 tháng; lãi suất vay trong 03 tháng đầu tiên là 10,7%/năm, tù tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Ngày 31/10/2024 và khế ước nhận nợ ngày 31/10/2024, chi tiết như sau: Số tiền vay là 82.000.000 đồng; mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất vay trong 03 tháng đầu tiên là 9,4%/năm, tù tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 25/01/2024, hạn mức cấp thẻ tín dụng là 20.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Trang Văn T1 và bà bà Đỗ Thị Kim L đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần N hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 24/9/2021. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 363636 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 11/8/2022, thửa đất số 203 tờ bản đồ số 35, diện tích 177,2m^2; đất tại Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau); người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Trang Văn T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày 30/8/2025 ông T1, bà L còn nợ tổng số tiền là 593.711.450 đồng (trong đó, nợ gốc là 552.255.136 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.865.013 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.591.301 đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P yêu cầu buộc ông Trang Văn T1 và bà Đỗ Thị Kim L trả số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 593.711.450 đồng (trong đó, nợ gốc là 552.255.136 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.865.013 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.591.301 đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 30/9/2025 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Trang Văn T1 trình bày: Ông T1 và bà L có vay tiền và thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày. Do có khó khăn về kinh tế nên vợ chồng ông T1, bà L đã không trả nợ đúng hạn, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông T1 đồng ý.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trang Tấn T2, ông Trang Tấn L1 và bà Trang Thị Thùy L2 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L. Buộc ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 593.711.450 đồng (trong đó, nợ gốc là 552.255.136 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.865.013 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.591.301 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2025 ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L không thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L về số tiền nợ gốc 30.340.638 đồng.

Về chi phí tố tụng, về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L trả số nợ vay theo hợp đồng đã ký kết. Bị đơn có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Trang Văn T1 có đơn xin vắng mặt, bị đơn và Đỗ Thị Kim L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Cho nên, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc 30.340.638 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Xét hợp đồng tín dụng:

[4.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần P và ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Ngày 23/01/2024 và khế ước nhận nợ ngày 25/01/2024, chi tiết như sau: Số tiền vay là 580.000.000 đồng; mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 72 tháng; lãi suất vay trong 03 tháng đầu tiên là 10,7%/năm, tù tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Ngày 31/10/2024 và khế ước nhận nợ ngày 31/10/2024, chi tiết như sau: Số tiền vay là 82.000.000 đồng; mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất vay trong 03 tháng đầu tiên là 9,4%/năm, tù tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 25/01/2024, hạn mức cấp thẻ tín dụng là 20.000.000 đồng.

[4.2] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng, việc cấp tín dụng dưới hình thức cho vay của Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[4.3] Ngân hàng xác định do ông T1, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 30/9/2025 ông T1, bà L còn nợ số tiền là 593.711.450 đồng. Trong đó, nợ gốc là 552.255.136 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.865.013 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.591.301 đồng.

[4.4] Ông T1 xác định có vay tiền và thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày. Do có khó khăn về kinh tế nên vợ chồng ông T1, bà L đã không trả nợ đúng hạn, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông T1 đồng ý.

[4.5] Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà L trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 593.711.450 đồng (trong đó, nợ gốc là 552.255.136 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.865.013 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.591.301 đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 30/9/2025 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ, xét thấy là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hợp đồng thế chấp:

[5.1] Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà ông T1, bà L đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 24/9/2021. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 363636 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 11/8/2022, thửa đất số 203 tờ bản đồ số 35, diện tích 177,2m^2; đất tại Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau); người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Trang Văn T1.

[5.2] Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất thế chấp thấy rằng phần đất và tài sản gắn liền với đất do bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang quản lý sử dụng. Trường hợp có phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng ông T1 đồng ý; bà L, ông T2, ông L1, bà L2 không có ý kiến.

[5.3] Hợp đồng thế chấp có chứng thực theo quy định, được đăng ký thế chấp đúng quy định. Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Nếu ông T1, bà L không thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. Ông T1, bà L phải chịu. Ngân hàng đã nộp và chi xong, ông T1, bà L có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng số tiền 600.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị

Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông T1 và bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T1, bà L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

- Khoản 2 Điều 100; Điều 102; Điều 103; điểm a khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm đ Điều 12; Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L.

2. Buộc ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P khoản nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 593.711.450 đồng. Trong đó, nợ gốc là 552.255.136 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.865.013 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.591.301 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2025 ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L không thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 363636 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 11/8/2022, thửa đất số 203 tờ bản đồ số 35, diện tích 177,2m^2; đất tại Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau); người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Trang Văn T1.

Ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L, bà Trang Thị Thùy L2, ông Trang Tấn T2, ông Trang Tấn L1 có trách nhiệm giao tài sản thế chấp để cơ quan có thẩm quyền tiến hành bán đấu giá theo quy định.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L về số tiền nợ gốc 30.340.638 đồng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. Ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L phải chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đã nộp và chi xong. Ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 600.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm ông Trang Văn T1, bà Đỗ Thị Kim L được miễn nộp.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí. Ngân hàng đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 14.083.000 đồng theo biên lai số 0000592 ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lê Hồng Lam